

ẢNH HƯỞNG CỦA THIẾT CHẾ XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG TỚI HƯỞNG DỤNG ĐẤT HIỆN NAY Ở NGƯỜI MƯỜNG

(Nghiên cứu tại xóm Dẹ 1 xã Văn Miếu, Thanh Sơn, Phú Thọ)

QUÁCH THỊ OANH

Hưởng dụng đất là vấn đề cơ bản, có tầm quan trọng hàng đầu trong các xã hội nông nghiệp. Là một tập hợp hệ thống các quyền lợi, nghĩa vụ, luật lệ liên quan đến các cá nhân và các nhóm cá nhân (1) trong xã hội, hưởng dụng đất ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống xã hội và cũng chịu tác động của nhiều yếu tố, trong đó có các thiết chế xã hội truyền thống.

Đặt mối quan hệ đó trong trường hợp của người Mường – cư dân sống ở *vùng thung lũng chân núi hẹp* miền trung du Bắc Bộ – sẽ thấy trong xã hội truyền thống (trước 1945), gia đình và dòng họ là hai yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hưởng dụng đất. Mặt khác, “mỗi xã hội thực tồn tại trong không gian và theo thời gian. Hoàn cảnh dân số, sinh thái, kinh tế và chính trị của nó tiến hoá hay không là ở trong một môi trường không ngừng biến đổi chứ không phải ở trong một môi trường cố định”(2). Trong khung cảnh đó, mối quan hệ giữa hưởng dụng đất và thiết chế xã hội cũng biến đổi. Vì thế, bức tranh toàn cảnh về quan hệ hưởng dụng đất không thể chỉ phản ánh ở thời điểm nào đó, mà phải liên tục được các nghiên cứu mới bổ sung.

Trong những năm gần đây, sự thay đổi về chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam đã tạo ra những động lực lớn cho sự phát triển kinh tế ở nông thôn và miền núi. Ngược lại, áp lực của gia tăng dân số, sự phát triển của nền kinh tế thị trường cùng với hạn chế của nguồn tài nguyên đất đang đặt các cộng đồng sống bằng nghề trông trọt trước tình trạng thiếu đất

canh tác. Trước thách thức đó, những thiết chế xã hội truyền thống của người Mường, xưa đã từng đóng vai trò quan trọng trong hưởng dụng đất, và nay vẫn tồn tại với tư cách là một *thiết chế xã hội* (3), liệu có còn đảm bảo được chức năng quản lý, điều chỉnh đất đai như trước hay không? Nếu có thì mức độ và biểu hiện như thế nào?

Để trả lời những câu hỏi đó, bài báo này sẽ tập trung phân tích *mối quan hệ* giữa các *thiết chế xã hội truyền thống* (gia đình, dòng họ) tới *hưởng dụng đất* hiện nay của một xóm người Mường - xóm Dẹ 1 xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; qua đó chỉ ra vai trò của gia đình, dòng họ trong quản lý đất đai.

Phương pháp nghiên cứu trong Nhân học với cách nhìn biến đổi của các cấu trúc xã hội của Edmun Ronal LEACH (1964) đã chi phối cách tiếp cận của chúng tôi khi nghiên cứu các mối quan hệ xã hội - đất đai. Mặt khác, quan niệm nghiên cứu xã hội gắn liền với các mối quan hệ, trong đó cơ bản nhất là quan hệ kinh tế của G. Condominas cũng chiếm vai trò quan trọng trong cách lập luận, lý giải các sự kiện. Khung lý thuyết nói trên đã đưa chúng tôi đến gần với cách tiếp cận so sánh các sự kiện theo niên đại và đồng đại, nhằm làm nổi bật tính liên tục hay tính biến đổi của truyền thống trong mối quan hệ xã hội - đất đai.

Lịch sử hưởng dụng đất của Việt Nam, dưới con mắt của các nhà nghiên cứu Nhân học, được tạo nên bởi những mảng màu khác nhau của nhiều thời đại, nhiều

cộng đồng và nhiều hình thức hưởng dụng (Vương Xuân Tình. 2000). Trong bức tranh nhiều màu sắc đó, người ta thấy nổi bật lên hình thức sở hữu công của nhà nước về ruộng đất ở thời kỳ phong kiến dưới các hình thức *công điền, tịch điền* (Vũ Huy Phúc. 1979). Tại đây, với tư cách là người chủ lớn nhất về đất đai, nhà vua đã khẳng định quyền lực tối cao của mình với đất đai bằng cách thu thuế (Nguyễn Đức Nghinh. 2000). Trên thực tế, khi quyền lực của chính quyền quân chủ phong kiến không đủ sức vươn tới vùng núi và trung du xa trung tâm, thì hình thức sở hữu cộng đồng (4) về đất đai vẫn là phổ biến (Vương Xuân Tình. 2000) và các dân tộc vẫn quản lý đất đai theo cách thức và luật lệ riêng của mình (Nguyễn Văn Mạnh. 2002).

Quản lý đất đai của người Mường trước 1945, theo kết quả nghiên cứu của các nhà Dân tộc học, chịu sự chi phối của các dòng họ quý tộc. Trong phạm vi một lãnh địa (*mường*) (5), dòng họ quý tộc nắm diện tích ruộng nước lớn nhất. Trưởng dòng họ ấy có quyền phân phối ruộng công cho các gia đình. Các gia đình *ăn* ruộng công buộc phải thực hiện các hình thức lao động không công (*xâu, nơ*) cho người đứng đầu *mường* (Nguyễn Từ Chi. 1998). Với đất rừng, đất đai trong *mường*, từ lá cây, ngọn cỏ, muông thú... đều thuộc nhà Lang. Dân phải nộp một phần con vật cho Lang khi săn bắn hay lúc mổ trâu bò trong tang lễ (Quách Thị Oanh. Tài liệu điền dã 2002 tại Hoà Bình).

Đến tận cuối nhà Lê, triều đình mới đồng nhất xã của chính quyền trung ương với *mường* và đặt ra chức vụ lý trưởng bên cạnh các Lang (6) Mường để thu thuế. Trong nội bộ làng xóm, người đứng đầu vẫn là một quý tộc Mường và chế độ đất đai vẫn tuân thủ các nguyên tắc truyền

thống: *quyền của người chiếm đất đầu tiên* (Nguyễn Từ Chi. 1998), địa vị *người con trai cả trong thừa kế* và những tập tục liên quan đến đất đai như cư trú bên nhà chồng, hôn nhân với người khác tộc (J. Cuisinier. 1948).

Tại vùng Thanh Sơn, cho đến thế kỷ XVIII, đất rừng hoang hoá vẫn còn phổ biến. Việc quản lý đất đai của các *lang Mường* vẫn chỉ có hiệu quả thực sự tại khu vực ruộng nước (7). Nếu so sánh với Hoà Bình, thì quản lý đất đai của người Mường tại Thanh Sơn trước Cách mạng tháng Tám chính là sự nhắc lại truyền thống (Nguyễn Dương Bình. 1974) nhưng ở mức độ yếu ớt, tạo tiền đề cho xu hướng tư nhân về ruộng đất tại địa phương phát triển (Khổng Diễn chủ biên. 1996), (Quách Thị Oanh. 2001). Nguyên do của tình trạng đó nằm trong sự chi phối mạnh mẽ của bộ máy lý dịch của chính quyền phong kiến trung ương (Khổng Diễn chủ biên. 1996). Với nghiên cứu của chúng tôi tại xã Văn Miếu, nguyên do trên còn được bổ sung bằng những yếu tố địa lý không thuận lợi cho lúa nước cũng như đặc điểm về quan hệ cư dân ở địa phương (Quách Thị Oanh. 2001).

Điểm qua các thành tựu nghiên cứu trên, chúng tôi rút ra những điều gì soi sáng nguồn gốc của chế độ đất đai theo cách thức truyền thống? Và trong sự vận hành của chế độ đất đai đang bàn, ảnh hưởng của thiết chế xã hội ấy thể hiện như thế nào và nó có còn tiếp tục ảnh hưởng đến hiện tại hay không?

I. XÓM DỆ 1 VÀ TÌNH TRẠNG ĐẤT ĐAI

Xóm Dệ 1 thuộc vùng trung du Bắc Bộ, có độ cao trung bình là 460m và độ dốc không lớn lắm ($20^0 - 30^0$). Cảnh quan môi trường đáng lưu ý ở đây là địa thế gò đồi. Xóm Dệ 1 nằm trong một thung lũng nhỏ,

được bao bọc bởi các gò đồi thoải dần từ Đông - Đông Bắc qua Tây - Tây Nam. Đất đai của các gò đồi ở đây chủ yếu là đất đỏ thuộc hệ feralít, thích hợp với cây chè, sơn, trâu và các cây lấy gỗ như keo mỡ...

Về hành chính, Dẹ 1 là bộ phận dân cư của xóm Dẹ (bao gồm Dẹ *Trong* và Dẹ *Ngoài*), được tách ra thành một khu hành chính riêng (tương đương với thôn) từ năm 2000. Theo số liệu điều tra của UBND xã, đến tháng 10/2001 xóm Dẹ 1 có 516 người, 117 hộ (so với 17 hộ của năm 1959); trong đó có 85 hộ nông nghiệp, 23 hộ buôn bán nhỏ, 9 hộ dịch vụ. Dân cư ở đây chủ yếu là người Mường, gồm nhiều dòng họ: Đinh (54 hộ), Hà (27 hộ) và các họ khác nhưng chiếm số lượng không đáng kể. Kết quả điều tra điền dã của chúng tôi cho biết những người họ Hà là cư dân bản địa, cư trú lâu đời ở địa phương. Họ chính là con cháu của một vị *thổ Lang* (8) người Mường. Ngược lại, họ Đinh là những người đến muộn hơn (cách đây 8 - 9 đời), có nguồn gốc từ Hoà Bình. Tất cả những người họ Đinh ở Dẹ 1 đều có quan hệ huyết thống với nhau. Do quan hệ hôn nhân, các hộ họ Hà và họ Đinh đều có quan hệ thân thích. Những hộ của hai họ này thường làm nông nghiệp; còn hộ phi nông nghiệp là các hộ giáo viên, sống tập trung ở khu dân cư mới ven đường chính.

Đời sống kinh tế của xóm chủ yếu dựa vào cây lúa nước. Chè và chăn nuôi trâu bò, lợn, gà được coi là nguồn thu tiền mặt chính trong gia đình. Ngô, khoai, sắn chủ yếu dùng cho chăn nuôi. Theo phân loại của địa phương, toàn xóm có 7 hộ giàu, 56 hộ trung bình và 2 hộ nghèo. Xóm có 2 máy xát, 22 xe máy và nhiều ti vi.

Nằm trong vị trí của một dự án xây dựng trung tâm cụm xã, với vốn ban đầu là 14.055 triệu đồng, Dẹ 1 tập trung các

đầu mối giao thông liên thôn, liên xã. Từ đây, người ta còn có thể liên hệ dễ dàng với thị xã Phú Thọ, Việt Trì và Hà Nội. Đó là nhân tố quan trọng tác động đến hưởng dụng đất, bởi việc xây dựng các con đường chạy qua đồng ruộng và mở quỹ dịch vụ khiến nông dân phải cắt chuyển phần ruộng của mình sang khu ruộng của các thôn khác. Hơn nữa, sự phát triển của chợ trong địa bàn xóm làm tăng thêm số người buôn bán vốn trước đây không có ở Dẹ 1. Việc xây dựng dự án cũng thu hút nhiều nguồn đầu tư của các cá nhân vào mua đất để xây dựng cơ sở dịch vụ. Tất cả những nhân tố đó đã làm biến đổi sâu sắc xã hội truyền thống nơi đây và tác động trực tiếp đến hưởng dụng đất vốn đã ổn định từ sau khi giao đất giao rừng.

Cũng giống như bất cứ nơi nào khác ở nông thôn Việt Nam, xóm Dẹ 1 đã từng trải qua sự biến chuyển quan trọng của cư dân trồng trọt: đó là quyền của hộ gia đình với đất canh tác được xác lập, theo Luật đất đai 1993.

Nếu chỉ quan sát hồ sơ quản lý đất đai của xóm hiện nay, sẽ thấy hầu như toàn bộ đất ở, đất vườn và đất canh tác lúa nước đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sổ đỏ) của huyện năm 1996, cũng như đã nằm trong sổ theo dõi thuế của ông Bùi Thế Mạc, trưởng xóm Dẹ, lập ra năm 1997.

Cho đến tận bây giờ, khi xóm Dẹ đã được tách thành hai khu hành chính, việc quản lý đất vẫn dựa trên cơ sở những hồ sơ của xóm Dẹ cũ. Việc giao đất thổ cư và nông nghiệp đã tiến hành xong từ năm 1992. Các cô gái của Dẹ 1 đi lấy chồng xa không thể mang theo nốt một sào ruộng (1 sào=360 m²) tiêu chuẩn đến nơi ở mới, giống như những cô từ nơi khác ngoài Văn Miếu về xóm Dẹ 1 làm dâu vậy.

Nhưng sự thay đổi ấy có lẽ không ảnh hưởng đến công việc quản lý đất đai của xóm, nếu những mảnh ruộng không bị biến thành ao, xây nhà hay lò gạch...và chủ hộ vẫn nộp đủ số thuế qui định. Chính luật pháp cho phép hộ gia đình được quyền thay đổi vị trí những thửa ruộng cũng như được trao quyền thừa kế (9). Nếu liên hệ giữa những con số thống kê, những danh sách với thực tế hưởng dụng đất, ta sẽ thấy sự khác biệt của bản đồ lý thuyết và thực tế đất đai.

Sẽ còn khó khăn hơn rất nhiều nếu hy vọng tìm thấy con số gần đúng phản ánh thực trạng hưởng dụng đất dốc của xóm. Theo người dân, đất đồi được phân chia thành hai loại: *đất đồi rừng* và *đất vườn đồi*. Đất ở và đất vườn từ bao đời nay đã là đất của ông cha khai phá truyền lại. Theo qui định mới, mỗi hộ gia đình được giữ 400m² đất làm nhà ở. Còn đất *vườn đồi* (*thổ canh*) thì mỗi hộ có nhiều nhất là 3 ha. Đây chính là phần dự trữ đất ở cho các con trai sau khi lập gia đình.

Việc qui hoạch dân cư và thay đổi cơ cấu kinh tế của địa phương đã biến Dẹ 1 trở thành điểm kinh doanh hấp dẫn. Điều ấy kéo theo hiện tượng cho thuê, thậm chí bán *đất của ông cha* - một xu hướng mới hình thành trong 3-4 năm gần đây.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA THIẾT CHẾ GIA ĐÌNH, ĐÒNG HỌ TRUYỀN THỐNG TỚI HƯỞNG DỤNG ĐẤT

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, chế độ Lang Đạo bị xoá bỏ. Cùng với sự sụp đổ của chế độ chính trị nói trên, bộ máy cai trị của tầng lớp quý tộc Mường bị bãi bỏ. Như vậy, *mường* – một thiết chế xã hội tiêu biểu cho chế độ ấy cũng không còn nữa.

Ngày nay, xóm (*quê*) của người Mường được coi là một thôn trong tổ chức hành

chính. Một số tập tục, sinh hoạt văn hoá của cộng đồng xóm có thể được bảo lưu, nhưng xóm không còn trọn vẹn với tư cách của thiết chế xã hội truyền thống. Vì thế, trong bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung xem xét ảnh hưởng của *gia đình* và *dòng họ* tới hưởng dụng đất ở địa phương.

2.1. Vị trí của gia đình, dòng họ trong quan hệ đất đai – khía cạnh luật pháp và thực tiễn

Trong thời kỳ hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, nếu như với ruộng nước, gia đình không có vai trò quản lý, sử dụng thì với đất nương rẫy, lại diễn ra theo chiều hướng khác. Các gia đình đều tận dụng những sườn đồi quanh nhà - nơi lau lách mọc um tùm mà HTX không canh tác để “tranh thủ” phát nương. Chính trên cơ sở mảnh nương các gia đình “tranh thủ” phát ấy mà người dân hình thành khái niệm *đất ông cha* – nguồn gốc của *đất vườn đồi* hay *đất thổ canh*.

Việc tách nhập nhiều lần HTX đã chứng tỏ sự khủng hoảng của kinh tế tập thể tại Văn Miếu. Ở Dẹ 1 cũng như toàn xã, khi triển khai Chỉ thị 100 (năm 1981), đất canh tác đã được giao cho gia đình. Qua phỏng vấn lịch sử đất đai 20 % hộ gia đình, được biết từ năm 1983, tình hình hưởng dụng đất ở khu vực nông nghiệp về cơ bản đã gần giống với ngày nay.

Những đổi thay to lớn và căn bản trong các chính sách đất đai của Nhà nước ta (*Khoán 10, Luật đất đai 1993*) đã trả lại cho gia đình vị trí quan trọng trong hưởng dụng đất. Theo Luật đất đai, hộ gia đình là đơn vị hưởng dụng đất, có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng (10). Về pháp lý, dòng họ không có tư cách pháp nhân để quản lý hay sử dụng đất. Tuy nhiên trên thực tế, lại có sự phong phú hơn những gì Luật đất

đai quy định mà chúng tôi sẽ tập trung trình bày ở phần sau.

2.2. Biến chuyển của các nguyên tắc và tập tục trong gia đình, dòng họ liên quan đến hưởng dụng đất hiện nay

2.2.1. Biến chuyển của nguyên tắc thừa kế và phân chia đất đai trong gia đình

Người Mường có tục cấm kết hôn với người cùng họ (ngoại hôn). Cho đến nay, nguyên tắc ấy vẫn được áp dụng chặt chẽ tại Dệ 1. Vấn đề đặt ra là nguyên tắc này có ảnh hưởng như thế nào và sự kết hợp của nó với các nguyên tắc khác ở gia đình, dòng họ được thực hiện ra sao trong quan hệ đất đai?

Để trả lời câu hỏi đó, phải quay lại thực trạng hưởng dụng đất và những chính sách đất đai của địa phương. Những điều kiện địa lý, dân cư và chính sách đã tạo nên sự căng thẳng về đất ruộng cho một số gia đình của xóm, đặc biệt trong những năm gần đây. Nhưng trong điều kiện đó, truyền thống vẫn bắt buộc các thành viên nam đến tuổi xây dựng gia đình phải đi tìm các đối tượng hôn nhân

khác họ, đôi khi ở rất xa, để đảm bảo nguyên tắc hôn nhân.

Cư trú bên nhà chồng tạo nên sự thay đổi về nhân khẩu, dẫn tới sự thay đổi về bình quân diện tích cho mỗi thành viên: tăng lên- nếu gia đình nhiều con gái, bớt đi - nếu gia đình đông con trai, bởi tổng diện tích trồng lúa của từng hộ đã cố định từ 1992. Tuy nhiên, đó không phải là công thức cứng nhắc cho mọi trường hợp, bởi còn tùy thuộc *nhu cầu* cụ thể về đất đai của gia đình.

Nhận thức được tầm quan trọng của các qui tắc hôn nhân với vấn đề đất đai, chủ tịch xã Hà Văn Cồ đã tuyên bố: Trong phạm vi của xã, phụ nữ đi lấy chồng được phép canh tác trên phần đất tiêu chuẩn được chia tại gia đình của bố mẹ. Bởi thế, các gia đình thường có xu hướng lấy vợ, lấy chồng cho con trong phạm vi trong xóm hay trong xã để tránh xáo trộn về ruộng đất ở mức tối đa. Khảo sát quan hệ hôn nhân của 20 trường hợp của những cặp vợ chồng trẻ (độ tuổi 22-30, kết hôn sau 1992), cho thấy tình trạng đất đai của họ sau hôn nhân như sau:

TT	Tình trạng đất đai sau hôn nhân	Số cặp vợ chồng	%
1	Lấy vợ cùng xóm hay xã: vợ vẫn canh tác trên đất ruộng được chia	9	45
2	Lấy vợ ngoài xã, vợ vẫn canh tác trên đất ruộng được chia	2	10
3	Mua thêm đất	1	5
4	Khai phá ruộng chằm	1	5
5	Xin họ hàng đất đồi	2	10
6	Đi ở rể, canh tác đất đai của nhà vợ	2	10
7	Chấp nhận thiếu đất, làm thêm nghề khác (làm thuê, đi buôn)	3	15
	Cộng	20	100

Xưa kia, thừa kế mang tính phụ quyền, nhấn mạnh vai trò của người con

trai cả vì anh ta sẽ là người thờ cúng tổ tiên và ưu tiên cho người con trai út -

thường là người ở cùng bố mẹ. Về nguyên tắc, con gái không được thừa kế đất tổ tiên bởi khi lấy chồng, chị ta đã thuộc thành viên của dòng họ khác. Như vậy, đúng về quan hệ đất đai, việc thừa kế theo con trai chính là biện pháp tập trung đất đai cho dòng họ. Vậy ngày nay nguyên tắc ấy được áp dụng như thế nào?

Theo luật pháp, tất cả các thành viên gia đình, có mặt trước thời điểm chia ruộng (1992) đều được nhận phần đất trồng lúa như nhau (theo mức gần 1 sào ở Dệ 1). Luật pháp cũng quy định đất đai được chuyển quyền thừa kế cho các thành viên trong gia đình và “mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật” (11).

Tuy nhiên, sự tồn tại đồng thời của luật pháp và luật tục đã dẫn tới sự dung hoà giữa hiện tại và truyền thống. Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc đã cho thấy: dù truyền thống vẫn coi trọng quyền thừa kế cho con trai nhưng ngày nay, dưới tác động của luật pháp, con gái cũng được chia đất ruộng. Con trai thường được chia 1 sào ruộng (theo tiêu chuẩn của họ), và chỉ hãn hữu mới xảy ra tình trạng không chia đất cho con trai (12). Con gái cũng được chia ruộng nhưng thường là ít hơn. Dù sao, đó cũng là một sự thay đổi quan trọng về truyền thống của gia đình. Sự linh hoạt của các qui tắc nói trên đã khẳng định sự thích ứng của gia đình nhằm bảo đảm nhu cầu đất đai trong điều kiện thay đổi của chính sách và hướng dụng đất hiện tại.

Chính sách đất đai quy định hộ gia đình là đơn vị sử dụng đất khiến xu hướng tách hộ để nhận đất ở ngày càng phổ biến. Điều đó đối lập với truyền thống hướng dụng đất công của người Mường. Cách đây

vài chục năm, những chị em dâu lấy chồng về Dệ 1 vẫn thường ở chung với bố mẹ chồng trong cùng một căn nhà sàn rộng. Nhưng nếu người con trai đã lớn khôn hay có nguyện vọng thì họ được phép tách ra cùng với đất đai bố mẹ cho... Ngày nay, việc tách quyền sử dụng đất của các thành viên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ bằng việc giao sổ *bìa đỏ*. Vị trí của gia đình trong hưởng dụng đất đã khiến truyền thống tập trung đất của dòng họ bị suy giảm. Gia đình ngày càng có xu hướng độc lập trong sản xuất và sử dụng đất, đặc biệt trong khu vực đất ruộng.

Tất cả những con số và phân tích đó mới chỉ nói lên một phần thực tế, vì còn khía cạnh quan trọng khác là *là ảnh hưởng của các qui tắc nói trên tới đất đồi*. Thực ra trong xã hội truyền thống, người Mường không có thừa kế đất đồi bởi rừng thì rộng, mà việc sử dụng đất rừng chỉ là tạm thời và phụ thuộc nhu cầu và sức lao động của gia đình. Ngày nay, việc thừa kế đất đồi được đặt ra cho các gia đình trước hết vì vị trí của nó càng ngày càng quan trọng. Trong các gia đình ở xóm, người ta luôn chia đều các mảnh thổ cư, *vườn đồi (thổ canh)*, *đồi rừng* cho các con trai mà không chia cho con gái. Chúng tôi chỉ gặp một trường hợp cá biệt chia cho con gái một phần đất đồi rừng bởi chị ta không có chồng nhưng có con và hai mẹ con ở riêng trong xóm.

Việc con gái không được thừa kế đất *đồi rừng* cũng như đất thổ canh, thổ cư có một phần nằm trong yếu tố truyền thống. Người con gái khi lấy chồng, tuy không được chia phần đất, song cô ta lại có đất tại nơi ở mới mà cô sẽ vĩnh viễn gắn bó. *Dâu nhà này, gái nhà khác* – câu ngôn ngữ của người Việt cũng đúng với người Mường trong trường hợp chúng ta đang

xét. Qui tắc đó, xét về tổng thể, vẫn tạo ra sự cân bằng về quyền lợi giữa hai giới trong hưởng quyền canh tác đất dốc ở địa phương.

Đất đồi hiện nay cho thu nhập chính là cây chè - loại cây đòi hỏi thu hái hàng ngày mà người con gái lấy chồng xa khó nhờ vả gia đình bên ngoại như với cây lúa. Các gia đình có con gái lấy chồng xa vẫn thường chăm sóc giúp mảnh ruộng do vợ chồng con gái cày cấy và thu hoạch. Còn một yếu tố khác là nguyên do của việc con gái không được thừa kế đất đồi. Theo truyền thống, phát đồi vẫn là công việc dành cho nam giới. Những mảnh đồi của gia đình hiện có không phải do được chia theo chính sách như với ruộng, mà là công khai phá của một hay nhiều cá nhân các anh em trai trong gia đình. Dù sau này được chính quyền giao lại thì *công khai phá và canh tác* vẫn là tiêu chuẩn để xác định quyền được nhận mảnh nương ấy.

Vậy phải chăng sự tác động theo hướng đảm bảo ngày càng nhiều hơn quyền lợi của gia đình và phụ nữ trong hưởng dụng đất đai hiện tại đã xa rời truyền thống? Phải chăng khi luật pháp đã đảm bảo chắc chắn cho quyền lợi sử dụng đất của các thành viên gia đình thì sức mạnh của luật tục thừa kế bị đẩy lui? Câu trả lời của chúng tôi không phủ nhận vai trò của truyền thống nhưng vẫn muốn nhấn mạnh vào *sự thích ứng và linh hoạt* của các qui tắc nhằm giải quyết dung hoà giữa chính sách đất đai với luật tục.

2.2.2. Biến chuyển vai trò của dòng họ

Theo luật pháp, chỉ có gia đình được thực hiện các quyền và nghĩa vụ với đất đai, còn dòng họ không có tư cách pháp nhân đó. Nhưng kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho biết, trên thực tế, dòng họ vẫn giữ vai trò nhất định trong thực hiện

và điều hoà các mâu thuẫn khi sử dụng đất đai ở địa phương.

Sự tham dự của dòng họ trong quá trình trên vẫn theo cách thức truyền thống: người ta nhờ đến họ hàng can thiệp khi một cá nhân nào đó vi phạm các qui tắc của cộng đồng và trưởng dòng họ sẽ nhắc nhở anh ta tránh những vi phạm đó. Trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng, dòng họ sẽ triệu tập cuộc họp các chủ gia đình để giải quyết. Sự can thiệp của dòng họ, tuy không mang tính cưỡng chế như pháp luật nhưng có ảnh hưởng quan trọng tới hành vi cá nhân. Trên thực tế, can thiệp của dòng họ vẫn còn hiệu lực nhưng có xu hướng giảm hơn so với trước đây.

Sự can thiệp rõ rệt của dòng họ chính là trong hưởng dụng đất đồi. Thỉnh thoảng người ta thấy anh em trong họ cho nhau một mảnh đồi nào đó - điều hầu như không xảy ra với ruộng nước. Thường người được cho là thuộc hộ gia đình trẻ, không có điều kiện nhận đất bởi quá trình giao đất đã diễn ra từ lâu. Vai trò của dòng họ ở đây, tuy hạn chế, nhưng được xác nhận như người điều hoà *đất đồi rừng*. Tuy nhiên, sự kiện này chỉ còn thấy khi có anh em, họ hàng quá thiếu đất đồi và đề nghị giúp đỡ; bởi ngày nay, đất đồi cũng hạn chế và có giá trị.

Nhìn bề ngoài, dường như nội bộ xóm không có va chạm về đất đai. Tuy nhiên, việc thiếu đất cùng tác động của cơ chế thị trường làm người dân địa phương vốn có truyền thống tương trợ đôi khi lại tính toán thiệt hơn. Với 20 hộ được phỏng vấn, chúng tôi biết 5 hộ có khúc mắc về đường biên, trong đó có 3 hộ với người cùng họ. Nhưng dù mâu thuẫn như thế nào, dòng họ vẫn cố gắng hoà giải trước khi đưa lên xã. Việc nhường nhịn, bỏ qua để giữ lại quan hệ đoàn kết lại gây hậu quả xấu cho thực hiện các qui ước bảo vệ cây cối và

chăn thả, đặc biệt trên những khu đồi xa dân cư.

Nhưng dù sao, dòng họ đã khẳng định vai trò thực tế của nó ngay cả khi không có tư cách pháp nhân với sử dụng và quản lý quyền sử dụng đất. Đặc biệt, khi quản lý của chính quyền không đủ mạnh như với đất đồi, dòng họ lại tỏ rõ hơn về ảnh hưởng trong điều phối các quan hệ đất đai giữa các thành viên. Có thể nói, thực tế trên cho chúng ta suy nghĩ về hiệu quả một mô hình quản lý cộng đồng theo dòng họ của người Mường về đất dốc, nếu biết khơi dậy những truyền thống tốt đẹp của nó.

III. KẾT LUẬN

Nếu so sánh với xã hội cổ truyền thì đến nay, qua nghiên cứu trường hợp ở một vùng Mường, vai trò của dòng họ về hưởng dụng đất ngày càng có xu hướng bị giảm nhẹ. Xưa kia, dòng họ đóng vai trò quản lý, điều phối đất đai; còn nay chỉ điều chỉnh những mối quan hệ liên quan đến đất đồi. Ngược lại, với vị trí hợp pháp, gia đình hầu như đã phát huy được lợi thế trong quản lý và sử dụng đất. Sự linh hoạt của các nguyên tắc của gia đình thể hiện khả năng thích ứng, dung hoà và xu hướng độc lập trong quản lý đất đai, đặc biệt ở khu vực ruộng nước.

Kết quả rút ra từ nghiên cứu cũng nói lên việc phải tính đến những nguyên tắc quản lý đất đai truyền thống trong hưởng dụng đất hiện nay. Cần phát huy vai trò của gia đình và dòng họ trong quản lý và sử dụng đất ở địa phương thông qua sự tham gia của người dân về xây dựng kế hoạch hay quy hoạch đất đai, xây dựng quy ước sử dụng đất, tự điều hoà và hoà giải về mối quan hệ đất đai trong khuôn khổ luật pháp... Bên cạnh đó, cần hạn chế sự bất bình đẳng trong hưởng dụng đất

thông qua xây dựng nếp sống và mô hình văn hoá mới nhằm đề cao bình đẳng nam nữ, tạo cơ hội cho người phụ nữ đảm bảo quyền lợi thực tế trong sử dụng đất.

Chú Thích

1. Pierre Bon te - Michel Izard. 1991. Tr. 288
2. Edmun Ronal LEACH. Tr. 16.
3. Thiết chế (*institution*) là khái niệm mang nhiều ý nghĩa. Trong bài viết, thuật ngữ này được sử dụng dưới góc độ Nhân học, đó là những hình thái của các luật tục có quan hệ hữu cơ với nhau, nhằm đảm bảo cho sự tái tạo và vận hành của một xã hội nào đó. Xem Pierre Bonte - Michel Izard. 1991. *Dictionnaire de l' Ethnologie et de l' Anthropologie*. Tr. 378.
4. Cộng đồng (*communauté*) có thể hiểu theo Đào Minh Trường và Thomas Sikor. 2000. Tr. xi, đó là "...một nhóm xã hội chặt chẽ có những chuẩn mực rõ ràng và những qui tắc hướng hành vi của các thành viên, là một nhóm cũng đưa ra những quyết định nhất định trong tập thể...".
5. Cần phân biệt "mường" (chỉ lãnh địa) và "Mường" là tên tộc người.
6. Người đứng đầu cai quản một lãnh địa Mường (Nguyễn Từ Chi. 1998)
7. Hoàng Bình Chính (1778)
8. Tục chúa đất của một vùng Mường.
9. Luật đất đai 1993. Điều 3, mục 2.
10. Điều 1. Luật đất đai 1993. Xem: Một số văn bản pháp luật hiện hành về phát triển nông nghiệp nông thôn...Tr. 236, 237.
11. Bộ luật dân sựđiều 635, tr 276.
12. Chúng tôi chỉ gặp 1 trường hợp như vậy ở Dẹ 1, dưới sức ép của bà vợ kế.

Tài liệu tham khảo

Ban chấp hành Đảng bộ huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. 1999. *Lịch sử Đảng bộ huyện Thanh Sơn* (tập I, II). Phú Thọ, Nxb Khoa học và Công nghệ.

- Nguyễn Dương Bình. 1974. *Một vài nét về tình hình xã hội vùng Mường tỉnh Vĩnh Phú trước Cách mạng Tháng Tám*. Tạp chí Dân tộc học số 4 (tr. 33-45).
- Bonte, Pierre - Michel Izard 1991. *Dictionnaire de L' Ethnologie et de L' Anthopologie*. Paris, Nxb Presses Universitaires de France.
- Bộ luật dân sự của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. 1995. Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia.
- Bruce, John. 1998. *Review of Terminology. Tenure Brief NB 1*. Mardison, W. L. Land Tenure Center.
- Nguyễn Từ Chi. 1996. *Góp phần nghiên cứu văn hoá và tộc người*. Hà Nội, Nxb Văn hoá thông tin.
- Hoàng Bình Chính. 1778. *Hưng hoá phong thổ tổng mục* (bản dịch). Tài liệu lưu trữ tại Viện Dân tộc học. Ký hiệu DN 20.
- Condominas (G). 1997. *Không gian xã hội vùng Đông Nam Á*. Hà Nội, Nxb. Văn hoá.
- Cuisinier (Jeane). 1995. *Người Mường* (bản dịch). Hà Nội, Nxb Lao động.
- Khổng Diên. 1995. *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*. Hà Nội Nxb Khoa học xã hội.
- Emily A.Schulz và Robert H.Lavenda. 2001. *Nhân học. Một quan điểm về tình trạng nhân sinh* (tài liệu dịch). Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia.
- Hưng hoá địa dư chí* (tài liệu dịch) lưu trữ tại Viện Dân tộc học, ký hiệu DN.38.
- Hương ước xã Cự Bàn tổng Xuân Đài, châu Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ*. 1942. Tài liệu lưu trữ tại Thư viện tỉnh Phú Thọ. Ký hiệu VL 951 (kho địa chỉ).
- Hương ước xã Hoàng Trung, tổng Cự Thắng, châu Thanh Sơn, 1932*. Tài liệu lưu trữ tại thư viện tỉnh Phú Thọ. Ký hiệu VL 938 (kho địa chỉ).
- LEACH (Edmun Ronal). 1964. *Những hệ thống chính trị ở vùng cao Myanma. Nghiên cứu cấu trúc xã hội của người Kachin*. Nxb. The Athlone Press. Quách Thị Oanh dịch từ bản tiếng Pháp của Francois Maspéro: "*Les systèmes politiques des Hautes terres de Birmanie. Analyses des structures sociales Kachin*". Tài liệu lưu trữ tại Viện Dân tộc học.
- Vũ Đình Lợi – Bùi Minh Đạo – Vũ Thị Hồng. 2000. *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội.
- Nguyễn Văn Mạnh. 2002. *Luật tục của người Tà-ôi về sở hữu đất đai ở vùng núi Quảng Trị và Thừa Thiên -Huế*. Tạp chí Dân tộc học số 1 –2002. (tr. 31-36).
- Một số văn bản pháp luật hiện hành về phát triển nông nghiệp, nông thôn*. 2000. Hà Nội, Nxb Lao động- xã hội.
- Nguyễn Đức Nghinh. 2002. *Làng xã ở Bắc bộ trên đường chuyển biến*. In trong Philippe Papin – Olivier Tessier. *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*. Hà Nội. Nxb Lao động - Xã hội. Tr. 413-447.
- Vũ Huy Phúc. 1979. *Tìm hiểu chế độ ruộng đất ở Việt Nam*. Hà Nội.
- Vương Xuân Tình – Bùi Minh Đạo. 2000. *Truyền thống sở hữu và sử dụng đất đai của các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Báo cáo. Tổng cục Địa chính.
- Nguyễn Ngọc Thanh. 1999. *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ*. Luận án Tiến sĩ Sử học. Hà Nội. Lưu trữ tại Viện Dân tộc học.
- Thư của Thổ Lang Hà Văn Quế gửi quan kiểm lâm Yên Bái ngày 29/12/1937* (tài liệu lưu trữ tại gia đình anh Đình Ngọc Long, Dệ 1, Văn Miếu). Quách Thị Oanh sưu tầm.
- Trần Từ. 1996. *Người Mường ở Hoà Bình*. Hà Nội, Hội khoa học lịch sử Việt Nam.
- Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Văn Miếu* 1992. Vĩnh Phú.
- Đào Minh Trường và Thomas Sikor. 2000. *Lúa nếp, ruộng tập thể và sự phát triển cộng đồng của người Thái Đen*. Hà Nội, Nxb Nông nghiệp.